TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim;

Ông Nguyễn Xuân Lập.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T; Sinh ngày 20/9/1974

Hộ khẩu thường trú: Tổ 01, phường K , thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang làm công nhân xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc: Số Hộ chiếu B 4091025 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 28/5/2010. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H; Sinh ngày 20/02/1979.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 01, phường K , thành phố L, tỉnh Lào Cai. Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15/6/2000 anh T đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị Htại UBND phường K , thị xã Lào Cai nay là thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống những năm đầu cuộc sống tuy vất vả nhưng vẫn hạnh phúc. Do cuộc sống khó khăn nên anh T đã đi xuất khẩu lao động, những năm đầu diễn ra bình thường, mấy năm gần đây do xa cách nên bà H đã thay lòng đổi dạ, ban đầu ông T nghe thấy người nhà nói ông chưa tin, sau đó bạn bè và hàng xón nói bà H có quan hệ bất chính với người đã có gia đình, đã xảy ra nhiều lần đánh gen, đỉnh điểm là lần đánh gen tại nhà riêng của ông T và bà H khi vợ bạn trai bà H bắt quả tang, tổ dân phố và chính quyền địa phương đã phải can thiệp. Ông T đã nhiều lần điện thoại cho bà H nhắc sống sao cho có đạo lý nghĩa vợ tình chồng và là tấm gương cho con cái học tập nhưng bà H bao biện chống chế không tiếp thu, gắt gỏng bỏ không nghe điện thoại, từ năm 2017 đến nay tình nghĩa vợ chồng nhạt phai không thể hàn gắn được, không ai quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân thất bại, lửa yêu thương không còn. Đến nay, ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cố níu kéo cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Hcó 02 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 03/02/2001 và cháu Trần Minh H sinh ngày 20/4/2007. Hiện nay 02 cháu đang ở với bà H, sau khi ly hôn do ông T vẫn còn ở nước ngoài nên ông T đề nghị Tòa án giao các cháu cho bà H Trực tiếp nuôi dưỡng, ông T sẽ đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản: Ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T, và Tòa án đã sao gửi các tài liệu chứng cứ do ông T giao nộp cho bà Phạm Thị H nhưng bà Phạm Thị H không nhận (Có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố). Hết thời hạn giao nộp văn bản ý kiến nhưng bà Phạm Thị Hkhông nộp, Tòa án đã phát hành giấy triệu tập bà Phạm Thị H với tư cách là bị đơn trong vụ án đến trụ sở Tòa án để viết bản tự khai nhưng bà Phạm Thị H không nhận giấy triệu tập.

Tuy bà Phạm Thị H không nhận giấy triệu tập của Tòa án nhưng bà Phạm Thị Hđã tự tay viết vào giấy triệu tập trả lại Tòa án với nội dung yêu cầu: "*Yêu cầu Thỏa thuận ly hôn*".

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông với lý do ông đang ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ giữa các đương sự và vụ án thuộc T hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân

dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa sơ thẩm để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn ông Trần Văn T chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Hđã không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Hđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn Điều 238 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo ông Trần Văn T yêu cầu tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Xét thấy, ông Trần Văn T là người Việt Nam nhưng đang làm việc ở nước ngoài (Hàn Quốc) có đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và bị đơn là bà Phạm Thị Hcư trú tại Tổ 1, phường K , thành phố L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày do bà H có quan hệ bất chính với người đã có gia đình, đã xảy ra nhiều lần đánh gen, đỉnh điểm là lần đánh gen tại nhà riêng của ông T và bà H khi vợ bạn trai bà H bắt quả tang, tổ dân phố và chính quyền địa phương đã phải can thiệp. Từ năm 2017 đến nay tình nghĩa vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến nhau nữa. Các chứng cứ do ông T đưa ra là các bản xác nhận của người làm chứng chứng kiến việc xảy ra xô xát tại nhà bà H là có thật gồm có: Ông Trần Văn Long, bà Nguyễn Thị Khánh Ly, ông Nguyễn Văn Minh.

Tại giấy triệu tập của Tòa án, bà Phạm Thị Hđã tự tay viết vào giấy triệu tập trả lại Tòa án với nội dung yêu cầu: ‘‘Yêu cầu Thỏa thuận ly hôn’’.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho bà Phạm Thị Hà, nội dung thông báo thụ lý đã thể hiện ông Trần Văn T đã có đơn xin ly hôn bà Phạm Thị Hvà yêu cầu bà H trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T nhưng hết thời hạn thông báo, bà H đã không gửi ý kiến cho Tòa án, nên được xác định bà Phạm Thị Hkhông phản đối yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T.

Tập hợp các chứng cứ trên đã đủ căn cứ để xác định trong nhiều năm ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Hà đã không quan tâm chăm sóc nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn T.

[3] Về con chung và mức cấp dưỡng: Căn cứ vào đơn xin ly hôn của ông Trần Văn T và sổ hộ khẩu thường trú của hộ bà Phạm Thị H đã đủ căn cứ xác định vợ chồng ông T và bà H có 02 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 03/02/2001 (Đã trưởng thành) và cháu Trần Minh H sinh ngày 20/4/2007. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Trần Minh H sinh ngày 20/4/2007 chưa thành niên, đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn do ông T vẫn còn ở nước ngoài và có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao các cháu cho bà H Trực tiếp nuôi dưỡng, ông T sẽ đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) đến khi các cháu trưởng thành và cháu Trần Minh H cũng có nguyện vọng ở với bà Phạm Thị Hnên cần giao cháu Hiếu cho bà H Trực tiếp nuôi dưỡng, và buộc ông T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) đến khi cháu Hiếu trưởng thành (Đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: ông Trần Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn T được ly hôn bà Phạm Thị Hà. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Hchấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Trần Minh H sinh ngày 20/4/2007 cho bà H Trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Ông Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Minh H mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đồng *(sáu trăm nghìn đồng)*. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000496 ngày 30/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, ông T còn phải nộp 300.000 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa